

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST
Ngày: 05 - 7 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Hùng;

2. Ông Đỗ Minh Tân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 05/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2022/TLST – DS ngày 21 tháng 4 năm 2022, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-DS ngày 17/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hữu Ng, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú H, xã Phú L, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Hà Văn T, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú H, xã Phú L, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Hữu Ng trình bày:

Ông Ng có bán vật tư nông nghiệp là phân bón, thuốc trừ sâu cho ông Hà Văn T để canh tác 3 vụ khoai, thỏa thuận sau khi thu hoạch khoai thì ông T sẽ thanh toán tiền còn thiếu là 83.090.000 đồng. Tuy nhiên ông Ng nhiều lần điện thoại yêu cầu ông T trả nhưng ông T cho rằng thất vụ nên không trả tiền. Ông Ng có làm đơn gửi đến ban hòa giải ấp Phú Mỹ, xã Phú Long, tại đây ông T

đồng ý trả khoản tiền này, cụ thể trong biên bản hòa giải thành ông T đồng ý trả một năm 6.000.000 đồng, chia làm 02 lần cứ mỗi 06 tháng ông T trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Nhưng sau đó ông T không thực hiện như cam kết theo biên bản hòa giải ở ấp.

Dù ông Ng đã điện thoại yêu cầu nhiều lần nhưng ông T vẫn không trả. Do đó ông Trần Hữu Ng yêu cầu ông Hà Văn T trả cho ông Ng số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 83.090.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/7/2021 – 01/7/2022, lãi suất 0.83%/tháng.

Bị đơn ông Hà Văn T dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo).

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Ông Hà Văn T không tuân thủ pháp luật tố tụng, không đến theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Ng, buộc ông Hà Văn T trả cho ông Ng số tiền vốn 83.090.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định. Ông Hà Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ông Trần Hữu Ng yêu cầu Tòa án buộc ông Hà Văn T phải trả tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp hợp đồng mua bán theo Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Bị đơn ông Hà Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không có lý do, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Hà Văn T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của ông Trần Hữu Ng đối với số tiền vốn 83.090.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Theo biên bản hòa giải thành ngày 12/12/2020 được tổ hòa giải lập tại nhà văn hóa ấp Phú Mỹ, xã Phú Long hòa giải giữa nguyên đơn Trần Hữu Ng với bị

đơn Hà Văn T, tại phần ý kiến bị đơn (ông T) thể hiện: “Tôi đồng ý trả dần cho chủ Bảy theo thời hạn như sau: Tới tháng 6-2021 tôi trả dần cho chủ Bảy 3.000.000 đ và đến tháng 12-2021 tôi trả 3.000.000đ và tiếp tục cho các năm tiếp cho đến khi hết số nợ”. Do hai bên thống nhất số nợ và phương án trả nợ nên Tổ hòa giải lập biên bản hòa giải thành.

Đồng thời theo biên bản xác minh ngày 16/5/2022 đối với ông Đặng Hữu Đức là tổ trưởng tổ hòa giải đã xác định: “Ông Hà Văn T thừa nhận còn nợ ông Trần Văn Ng số tiền 83.000.000 đồng và ông T có xin ông Ng cho trả từ từ ... cho đến khi dứt số nợ 83.090.000 đồng”.

Điều này cho thấy ông T thực tế đã có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông Ng và có thiếu khoản tiền như nguyên đơn trình bày. Mặc dù ông T và ông Ng đã chốt số nợ và phương án trả nợ nhưng ông T không thực hiện theo thỏa thuận, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để ông T có thể tự bảo vệ quyền lợi chính đáng cho mình nhưng ông T không đến.

Ông Nguyễn Thành Nh là trưởng ấp Phú Mỹ xác định: “Vào Tháng 4/2022 tôi có chứng kiến bên ngân hàng làm việc với ông Hà Văn T nên tôi xác nhận ông Hà Văn T hiện tại vẫn có mặt tại địa phương”. Như vậy tại thời điểm Tòa án thụ lý thì ông T vẫn có mặt tại địa phương, sau khi thống nhất phương án trả nợ với ông Ng thì ông T lại không tự nguyện thực hiện và cố tình trốn tránh.

Từ phân tích trên, xét việc ông Trần Hữu Ng yêu cầu ông Hà Văn T có trách nhiệm trả số tiền mua vật tư còn thiếu 83.090.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi, ông Trần Hữu Ng yêu cầu ông Hà Văn T tính lãi cho số tiền chậm trả tính từ 01/7/2021 – 01/7/2022, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định: “Trường hợp bên mua không thực hiện đúng Ng vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”.

Điều 357 quy định trách nhiệm do chậm thực hiện Ng vụ trả tiền:

1. Trường hợp bên có Ng vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Tại khoản 2 Điều 468 quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Theo biên bản hòa giải ở ấp Phú Mỹ thì ông T đồng ý trả khoản nợ bắt đầu từ tháng 6 năm 2021 nhưng sau đó ông T không thực hiện, việc này đã xâm phạm đến quyền lợi của ông Ng. Nên việc ông Ng yêu cầu ông T trả tiền lãi cho số tiền chậm trả là có cơ sở.

Đối chiếu quy định trên, do ông Ng và ông T không có thỏa thuận việc trả lãi và ông Ng yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật. Ông Ng yêu cầu tính lãi từ ngày 01/7/2021 đến 01/7/2022 là có lợi cho ông T.

Lãi chậm trả mà ông T có trách nhiệm trả cho ông Ng là: $83.090.000đ \times 12 \text{ tháng} \times 0.83\%/tháng = 8.275.000 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Ng nên ông Hà Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 92, các Điều 147, 157, 165, 219, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 430, 433, 434, 440, 453, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hữu Ng. Buộc ông Hà Văn T trả cho ông Ng số tiền 83.090.000 đồng và 8.275.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Văn T phải chịu 4.568.000 án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Trần Hữu Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.160.000 đồng theo các biên lai thu số 0009100 ngày 21/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Văn Bình